

Vĩnh Thanh, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự có mặt không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P); địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, Thành Phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N, chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và T cấu trúc Tài sản (Theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ). Ủy quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị Thu H – Giám đốc Khách hàng cá nhân, hoặc ông Trần Đức N1 – Chuyên viên quản lý khách hàng, hoặc bà Lê Thị L1 – Chuyên viên tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số 8312/UQ-PVB ngày 07/11/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ); Cùng địa chỉ: B đường L, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1984; địa chỉ: 8 khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Tại phiên hòa giải ngày 20/6/2024: Đại diện Nguyên đơn – ông Trần Đức N1 và bị đơn ông Q có mặt; Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T1 vắng mặt, có Đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P) số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng tín

dụng số 1597/2020/HĐHMTTC ngày 15/07/2020 (Khoản thế tín dụng); Hợp đồng tín dụng số 1780/2021/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 04/01/2021 (Khoản vay trả góp); Hợp đồng tín dụng số 1899/2021/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 30/6/2021 (Khoản vay thấu chi), tính đến ngày 20/06/2024 với tổng số tiền là: **1.068.415.431 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn bốn trăm ba mươi một đồng)**, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 1597/2020/HĐHMTTC ngày 15/07/2020 (Khoản thế tín dụng): Tổng nợ là: 129.447.656 đồng (Gốc: 39.431.916 đồng; Phí: 43.494.705 đồng; Lãi: 46.521.035 đồng);

- Hợp đồng tín dụng số 1780/2021/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 04/01/2021 (Khoản vay trả góp): Tổng nợ là: 422.326.824 đồng (Gốc: 254.897.777 đồng; Lãi: 167.429.047 đồng);

- Hợp đồng tín dụng số 1899/2021/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 30/6/2021 (Khoản vay thấu chi): Tổng nợ là: 516.640.951 đồng (Gốc: 299.770.642 đồng; Lãi: 216.870.309 đồng).

Kể từ ngày 21/06/2024, ông **Nguyễn Đình Q** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P)** và ông **Nguyễn Đình Q** cho đến khi ông **Nguyễn Đình Q** thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Thu T1** và ông **Nguyễn Đình Q** đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận số 557/2015/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Việc ông **Nguyễn Đình Q** vay tiền **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P)** như trên, bà **T1** không hề biết, không có liên quan, nên bà **T1** không có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P)** cùng với ông **Nguyễn Đình Q**.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bị đơn ông **Nguyễn Đình Q** chịu 22.026.231 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi một đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 20.039.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) cho Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P)**, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000996 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- CCTHADS thành phố TA, tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện V, tỉnh Bình Định;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mai Đào